



KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Đối tượng áp dụng: Khóa tuyển sinh 2016

Ngành: **QUẢN TRỊ KINH DOANH**
 Chuyên ngành: **Kinh doanh thương mại**
 Mã số ngành: **52340101**
 Khoa: **Kinh tế**

Tổng khối lượng kiến thức:
126 tín chỉ tích lũy

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tính chất (bắt buộc hay tự chọn)	Số tín chỉ	Phân bổ tín chỉ					Đơn vị quản lý học phần	Ghi chú
					LT	TH/ TN	TT	ĐA MH	ĐA/ KLTN		
Học kỳ 1											
01	SKL101	Phương pháp học đại học	BB	3	3					K. GDĐC	
02	MAN201	Quản trị học	BB	3	3					K. GDĐC	
03	MAR201	Marketing căn bản	BB	3	3					K. GDĐC	
04	BUS304	Nhập môn ngành KDTM	BB	2	2					K. Kinh tế	
05	BUS308	Trải nghiệm ngành, nghề	BB	1			1			K. Kinh tế	
		Tổng Học kỳ 1		12	11	0	1	0	0		
Học kỳ 2											
01	BUS101	Tinh thần khởi nghiệp	BB	3	3					K. GDĐC	
02	ECO302	Kinh tế lượng	BB	3	3					K. GDĐC	
03	MAN412	Quản trị dự án đầu tư	BB	3	3					K. Kinh tế	
04		(Chọn 1 trong 3 học phần)	TC	3							
	INT201	Đại cương về Công nghệ thông tin và Truyền thông			3					K. GDĐC	
	ENG201	Tiếng Anh giao tiếp 1			3					K. GDĐC	
	ART201	Biểu diễn âm nhạc và khiêu vũ			3					K. GDĐC	
05		(Chọn 1 trong 3 học phần)	TC	3							
	MAR405	E - Marketing			3					K. Kinh tế	
	MAR408	Marketing công nghiệp			3					K. Kinh tế	
	MAR414	Marketing quốc tế			3					K. Kinh tế	
		Tổng Học kỳ 2		15	15	0	0	0	0		

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tính chất (bắt buộc hay tự chọn)	Số tín chỉ	Phân bổ tín chỉ					Đơn vị quản lý học phần	Ghi chú
					LT	TH/ TN	TT	ĐA MH	ĐA/ KLTN		
Học kỳ 3											
01	LAW101	Pháp luật đại cương	BB	3	3					K. GDĐC	
02	ACC201	Kế toán đại cương	BB	3	3					K. GDĐC	
03	ECO304	Kinh tế vĩ mô	BB	3	3					K. Kinh tế	
04	BUS410	Báo cáo chuyên đề thực tiễn	BB	1	1					K. Kinh tế	
05		(Chọn 1 trong 3 học phần)	TC	3							
	BUS416	Hành vi khách hàng			3					K. Kinh tế	
	MAN423	Thương lượng và quản trị xung đột			3					K. Kinh tế	
	BUS431	Văn hóa doanh nghiệp			3					K. Kinh tế	
		Tổng Học kỳ 3		13	13	0	0	0	0		
Học kỳ 4											
01	POL102	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1	BB	2	2					K. GDĐC	
02	MAR418	Quản trị marketing	BB	3	3					K. Kinh tế	
03	ECO303	Kinh tế vi mô	BB	3	3					K. Kinh tế	
04	SUC408	Quản trị chuỗi cung ứng	BB	3	3					K. Kinh tế	
05		(Chọn 1 trong 3 học phần)	TC	3							
	FIN301	Lý thuyết tài chính - tiền tệ			3					K. Kinh tế	
	BUS305	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh			3					K. Kinh tế	
	MAN405	Nghệ thuật lãnh đạo			3					K. Kinh tế	
		Tổng Học kỳ 4		14	14	0	0	0	0		
Học kỳ 5											
01	POL103	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2	BB	3	3					K. GDĐC	
02	SOS102	Văn Hiến Việt Nam	BB	3	3					K. GDĐC	
03	MAN419	Thực tập 1 KDTM	BB	2			2			K. Kinh tế	
04	BUS424	Pháp luật trong kinh doanh	BB	3	3					K. Kinh tế	
05		(Chọn 1 trong 3 học phần)	TC	3							
	MAN415	Quản trị sự thay đổi			3					K. Kinh tế	
	BUS417	Hành vi tổ chức			3					K. Kinh tế	
	MAN414	Quản trị sản phẩm			3					K. Kinh tế	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tính chất (bắt buộc hay tự chọn)	Số tín chỉ	Phân bổ tín chỉ					Đơn vị quản lý học phần	Ghi chú
					LT	TH/ TN	TT	ĐA MH	ĐA/ KLTN		
		Tổng Học kỳ 5		14	12	0	2	0	0		
Học kỳ 6											
01	POL104	Tư tưởng Hồ Chí Minh	BB	2	2					K. GDĐC	
02	NAS101	Môi trường và con người	BB	3	3					K. GDĐC	
03	FIN417	Quản trị tài chính	BB	3	3					K. Kinh tế	
04		<i>(Chọn 1 trong 3 học phần)</i>	TC	3							
	ENG202	Tiếng Anh giao tiếp 2			3					K. GDĐC	
	PSY201	Tâm lý học đại cương			3					K. GDĐC	
	SOS204	Các vấn đề xã hội đương đại			3					K. GDĐC	
05		<i>(Chọn 1 trong 3 học phần)</i>	TC	3							
	BUS302	Đạo đức trong kinh doanh			3					K. Kinh tế	
	PUR410	Quan hệ công chúng			3					K. Kinh tế	
	BUS306	Thương mại điện tử			3					K. Kinh tế	
		Tổng Học kỳ 6		14	14	0	0	0	0		
Học kỳ 7											
01	SOS101	Kinh tế, văn hóa, xã hội ASEAN	BB	3	3					K. GDĐC	
02	POL101	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN	BB	3	3					K. GDĐC	
03	MAN421	Thực tập nghề nghiệp KDTM	BB	2			2			K. Kinh tế	
04	BUS427	Tiếng Anh chuyên ngành kinh tế	BB	3	3					K. Kinh tế	
05		<i>(Chọn 1 trong 3 học phần)</i>	TC	3							
	SOS205	Giao tiếp đa văn hóa			3					K. GDĐC	
	SKL202	Kỹ năng hành chính văn phòng			3					K. GDĐC	
	VIE201	Kỹ năng sử dụng tiếng Việt			3					K. GDĐC	
		Tổng Học kỳ 7		14	12	0	2	0	0		
Học kỳ 8											
01	NAS203	Thống kê ứng dụng	BB	3	3					K. GDĐC	
02	MAN409	Quản trị chiến lược	BB	3	3					K. Kinh tế	
03	MAN408	Quản trị chất lượng	BB	3	3					K. Kinh tế	
04	FIN428	Thuế	BB	3	3					K. Kinh tế	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tính chất (bắt buộc hay tự chọn)	Số tín chỉ	Phân bổ tín chỉ					Đơn vị quản lý học phần	Ghi chú
					LT	TH/ TN	TT	ĐA MH	ĐA/ KLTN		
05		<i>(Chọn 1 trong 3 học phần)</i>	TC	3							
	SUC407	Nghiệp vụ hải quan			3					K. Kinh tế	
	BUS412	Chiến lược định giá			3					K. Kinh tế	
	SUC409	Quản trị kênh phân phối			3					K. Kinh tế	
		Tổng Học kỳ 8		15	15	0	0	0	0		
Học kỳ 9											
01	BUS536	Thực tập tốt nghiệp	BB	3			3			K. Kinh tế	
02		<i>(Chọn 1 trong 3 học phần)</i>	TC	3							
	MAR417	Marketing xã hội			3					K. Kinh tế	
	BUS430	Truyền thông trong kinh doanh			3					K. Kinh tế	
	FIN424	Thanh toán quốc tế			3					K. Kinh tế	
03	BUS534	Khóa luận tốt nghiệp	TC	9					9	K. Kinh tế	
		<i>Các học phần thay thế KLTN:</i>	TC	9							
04	BUS419	Khởi nghiệp kinh doanh	TC	3	3					K. Kinh tế	
05	MAN413	Quản trị quan hệ khách hàng	TC	3	3					K. Kinh tế	
06		<i>(Chọn 1 trong 3 HP)</i>	TC	3							
	MAR423	Quảng cáo			3					K. Kinh tế	
	MAR420	Quản trị thương hiệu			3					K. Kinh tế	
	BUS423	Nghiệp vụ bán hàng			3					K. Kinh tế	
		Tổng Học kỳ 9		15	12	0	3	0	9		

- Ghi chú:**
1. Các học phần Giáo dục quốc phòng - An ninh: học tập trung trong thời gian hè, theo lịch của Trường.
 2. Các học phần Giáo dục thể chất sẽ được bố trí theo kế hoạch chung của toàn trường.
 3. Các học phần Kỹ năng mềm, Ngoại ngữ - Tin học chuẩn đầu ra: sinh viên liên hệ Viện Doanh trí Văn Hiến; Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học.

TL. HIỆU TRƯỞNG
TP. QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

Lê Sĩ Hải